

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở

(Khu dân cư điểm số 7, khu phố Công Chánh
Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định)

1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất ở của 63 lô đất tại Khu dân cư điểm số 7, khu phố Công Chánh, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (theo phụ lục lô đất đính kèm).

Diện tích lô đất: từ 84 m²/lô đến 239,1 m²/lô.

Giá khởi điểm: (Chưa bao gồm phí trước bạ và các khoản phí theo quy định): từ 122.000.000 đồng/lô đến 1.683.000.000 đồng/lô.

2. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.

Địa chỉ: Số 381 đường Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức phiên đấu giá:

3.1 Từ ngày thông báo đấu giá đến 15^h00' ngày thu Hồ sơ tập trung (Trong giờ hành chính): Công ty đầu giá Hợp danh Bình Phú tiến hành bán Hồ sơ và hướng dẫn khách hàng các thủ tục đăng ký tham gia đấu giá tại 42 Nguyễn Thái Bình, P. Hải Cảng, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2 Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Tại Hội trường UBND thị trấn Tuy Phước và Ban quản lý DA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước: từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút, ngày 27/9/2023 (Thứ tư).

- **Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:** từ 08 giờ 00 phút, ngày 30/9/2023 (Thứ bảy), tại Hội trường UBND thị trấn Tuy Phước.

- Các Lô đất đấu không thành hoặc không đủ điều kiện tổ chức đấu giá: Sẽ tiến hành đấu tại các phiên đấu tiếp theo sau phiên ngày 30/9/2023.

3.3 Các phiên đấu tiếp theo: Tại hội trường UBND thị trấn Tuy Phước

- Thứ tư hàng tuần từ ngày 04/10/2023: từ 08 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút - **đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá.**

- Thứ bảy hàng tuần từ ngày 07/10/2023: Từ 08 giờ 00' - **Tổ chức phiên đấu giá.**

3.4 Các phiên đấu giá tiếp theo sẽ được Tổ chức liên tục cho đến khi tất cả các lô đất đều bán đấu giá thành hoặc có thông báo mới.

4. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Những người có quan hệ vợ chồng, cha con, mẹ con, anh chị em ruột: không được đăng ký và không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá **trong cùng 01 lô đất**. Một hộ gia đình chỉ có một cá nhân tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất.

- Tất cả các tổ chức, cá nhân, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá, phải nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ; phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước theo đúng quy định.

- Bộ hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ, gồm 04 loại chứng từ, cụ thể:

- + 01 Giấy đăng ký tham gia đấu giá (theo mẫu Công ty ĐGHD Bình Phú phát hành);
- + 01 bản photo CMND (hoặc Thẻ căn cước, Hộ chiếu) của cá nhân;
- + 01 chứng từ nộp "**Tiền đặt trước + Phí tham gia đấu giá**" cho riêng từng lô đất vào tài khoản ngân hàng của Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú;

→ Ba loại giấy tờ trên: bấm theo từng lô riêng biệt và nộp vào thùng **Hồ Sơ Khách Hàng**.

→ 01 phiếu trả giá gián tiếp (vòng 1) đựng trong bì thư, niêm phong và nộp vào thùng **Phiếu Trả Giá**.

Lưu ý: Hồ sơ ghi đầy đủ nội dung, không được tẩy, xóa; không được sửa đổi, bấm theo từng lô và có chữ ký của người tham gia. Nếu vi phạm, xem như không hợp lệ.

- Khách hàng nên sử dụng bút bi, mà mực không thể xóa được.

Nếu hồ sơ viết bằng bút bi mờ (có thể tẩy xóa được): hồ sơ không hợp lệ.

5. Nộp khoản tiền đặt trước, phí tham gia đấu giá:

Tên tài khoản nộp: Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú:

- Số tài khoản: 118002780120 tại Ngân hàng Vietinbank - CN Phú Tài
- Số tài khoản: 1023464123 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Bình Định
- Số tài khoản: 9914064123 tại Ngân hàng Vietcombank – CN Quy Nhơn
- Số tài khoản: 58110009064123 tại Ngân hàng BIDV – CN Phú Tài
- Số tài khoản: 4300201006734 tại Ngân hàng Agribank – CN Bình Định

Lưu ý: + **Cách thức nộp "Tiền đặt trước + Phí tham gia đấu giá":** nộp riêng từng lô vào tài khoản ngân hàng của Công ty ĐGHD Bình Phú (ví dụ: Lô số 01 có tiền đặt trước 50 triệu + Phí tham gia đấu giá: 500.000 đồng => **Phải nộp:** 50,5 triệu đồng)

+ **Nội dung ghi trong Giấy chuyển tiền:** ghi tên người tham gia đấu giá + địa điểm lô đất tại xã hoặc thị trấn. (Ví dụ: *Nguyễn Văn A nộp đấu giá TT Tuy Phước*).

Nếu không ghi nội dung tên người tham gia đấu giá và địa điểm cụ thể (tại xã hoặc thị trấn), hoặc chỉ ghi tên huyện: **hồ sơ không hợp lệ.**

+ **Chứng từ nộp tiền:** nộp Bản chính hoặc bản sao;

Nếu chuyển tiền qua banking: chứng từ đó phải thể hiện Giao dịch đã thành công, Mã số giao dịch, Thời gian giao dịch, Tên người tham gia đấu giá, Địa điểm lô đất (xã/ thị trấn);

Mỗi chứng từ nộp tiền: chỉ dùng cho 01 lô đất. Nếu trùng chứng từ nộp tiền, xem như hồ sơ các lô đất khác không hợp lệ.

+ **Phải nộp đúng số tiền Thông báo đấu giá**, tất cả trường hợp không đúng số tiền Thông báo đều không hợp lệ. Trường hợp: khách hàng có nhiều hơn 01 giấy nộp tiền, thì tổng số tiền trên các giấy nộp tiền đó phải bằng với số tiền Thông báo.

+ Khách hàng tham gia có nộp giấy đăng ký, hoặc phiếu trả giá hoặc cả hai: đều mất phí tham gia đấu giá.

6. Hình thức và phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp tại vòng 01 (lấy 03 mức giá cao nhất vào vòng 02) và đấu giá trực tiếp bằng phiếu tại cuộc đấu giá từ vòng 02 trở đi.

- Phương thức đấu giá: trả giá lên, bán riêng từng lô.

- **Quy định về giá trả tại vòng 1 (vòng bỏ phiếu gián tiếp):** Người tham gia đấu giá bắt buộc phải trả giá và trả giá tối thiểu bằng giá khởi điểm hoặc trả cao hơn giá khởi điểm nhưng phải **tròn bước giá**. (Ví dụ: giá trả = giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên).



10

+ **Ví dụ cách trả giá:** Lô đất số 01 – khu G có giá khởi điểm: 100 triệu đồng, bước giá: 10 triệu đồng. Người tham gia đấu giá ghi phiếu trả giá chọn ghi sau:

* Bước giá trả cộng thêm bằng số là: 0 bước, 01 bước, 02 bước, 03 bước,....

* Bước giá trả cộng thêm bằng chữ là giá khởi điểm, một bước, hai bước, ba bước,....

+ Và phải ghi đầy đủ 02 mục bằng chữ và bằng số: trong phiếu trả giá.

+ **Lưu ý:**

* **Cách trả giá đúng:** nếu trả bằng giá khởi điểm: thì phải ghi “0” ở mục bằng số và ghi chữ “*giá khởi điểm*” ở mục bằng chữ.

* **Cách trả giá không hợp lệ:** ghi mục bằng số là “*giá khởi điểm*”; hoặc Ghi bằng chữ: “*không bước*”.

7. Quy định về giá trúng đấu giá:

- Giá trúng đấu giá phải là giá tối thiểu bằng giá khởi điểm (theo phụ lục lô đất).

- Các khách hàng trả giá cao nhất hoặc bằng giá khởi điểm nhưng không khách hàng nào trả thêm thì sẽ tiến hành bốc thăm: Người có số thăm sẽ trúng đấu giá.

8. Các quy định khác:

8.1. Trường hợp diện tích đất trúng đấu giá có sự thay đổi

- Trường hợp khi bàn giao đất cho người trúng đấu giá, nếu diện tích đất thực tế tăng hoặc giảm so với diện tích đã công bố trong hồ sơ đấu giá thì phải quyết định bổ sung điều chỉnh lại Quyết định trúng đấu giá, số tiền phải nộp tăng lên hoặc giảm đi được tính bằng (=) giá đất trúng đấu giá nhân (x) với phần diện tích tăng hoặc giảm.

8.2. Quy định về Quy hoạch kiến trúc:

- Khách hàng chú ý tham khảo kỹ càng tại Quy chế đấu giá số 07/2023/QCĐG-BP ngày 11/9/2023 để rõ hơn chi tiết.

9. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Liên tục kể từ ngày ra thông báo cho đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi tọa lạc của lô đất.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ:

- **Công ty Đấu giá Hợp danh Bình Phú.**

Địa chỉ: 42 Nguyễn Thái Bình, P Hải Cảng, Tp Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.**

Địa chỉ: Số 381 đường Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- **UBND thị trấn Tuy Phước.**

Nơi nhận:

- Ban Quản lý DADTXD và PT quỹ đất huyện Tuy Phước;
- Niêm yết tại Ban Quản lý DADTXD và PT quỹ đất huyện Tuy Phước
- UBND thị trấn Tuy Phước;
- Niêm yết tại UBND TT Tuy Phước
- Niêm yết và lưu hồ sơ Công ty.



Đào Đức Thọ





DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT ĐẤU GIÁ TẠI KHU DÂN CƯ ĐIỂM SỐ 7, KHU PHỐ CÔNG CHÍNH, THỊ TRẤN TUY PHƯỚC, HUYỆN TUY PHƯỚC

(Kèm theo Thông báo đấu giá số 07/TBĐG ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Công Ty Đấu Giá Hợp Danh Bình Phú)

Số TT	Khu đất	Đường Vị trí	Lô số	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Phí đấu giá (đồng)	Ghi chú
1	Khu OLK1	Hướng Nam tiếp giáp đường ĐS3 quy hoạch lộ giới 15,5m	2	132,7	8.760.000	1.163.000.000	230.000.000	59.000.000	500.000	Lô góc
2			3	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
3			4	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
4			5	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
5			6	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
6			7	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
7			8	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
8			9	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
9			10	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
10			11	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
11			12	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
12			13	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
13			14	84,0	7.300.000	614.000.000	122.000.000	31.000.000	500.000	
14			15	121,5	8.760.000	1.065.000.000	213.000.000	54.000.000	500.000	Lô góc
15	Khu OLK2	Hướng Bắc, tiếp giáp đường ĐS3 quy hoạch lộ giới 15,5m	1	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
16			2	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
17			3	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
18			4	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
19			5	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
20			6	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
21			7	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
22			8	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
23			9	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
24			10	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
25			11	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
26			12	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
27			13	99,0	7.300.000	723.000.000	144.000.000	37.000.000	500.000	
28			14	129,9	8.760.000	1.138.000.000	227.000.000	60.000.000	500.000	Lô góc
29			30	178,3	8.760.000	1.562.000.000	312.000.000	79.000.000	500.000	Lô góc

25

Số TT	Khu đất	Đường Vị trí	Lô số	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Bước giá (đồng)	Phí đấu giá (đồng)	Ghi chú
30	Khu OLK2	Hướng Nam, tiếp giáp đường ĐS2 quy hoạch lộ giới 14,0m	15	148,8	8.400.000	1.250.000.000	250.000.000	63.000.000	500.000	Lô góc
31			16	96,0	7.000.000	672.000.000	134.000.000	34.000.000	500.000	
32			17	96,0	7.000.000	672.000.000	134.000.000	34.000.000	500.000	
33			18	96,0	7.000.000	672.000.000	134.000.000	34.000.000	500.000	
34			19	96,0	7.000.000	672.000.000	134.000.000	34.000.000	500.000	
35			20	96,0	7.000.000	672.000.000	134.000.000	34.000.000	500.000	
36			21	96,0	7.000.000	672.000.000	134.000.000	34.000.000	500.000	
37			22	96,0	7.000.000	672.000.000	134.000.000	34.000.000	500.000	
38			29	171,8	8.400.000	1.444.000.000	288.000.000	73.000.000	500.000	Lô góc
39	Khu OLK3	Hướng Bắc, tiếp giáp đường ĐS2 quy hoạch lộ giới 14,0m	1	90,0	7.000.000	630.000.000	126.000.000	32.000.000	500.000	
40			2	90,0	7.000.000	630.000.000	126.000.000	32.000.000	500.000	
41			3	90,0	7.000.000	630.000.000	126.000.000	32.000.000	500.000	
42			4	90,0	7.000.000	630.000.000	126.000.000	32.000.000	500.000	
43			5	90,0	7.000.000	630.000.000	126.000.000	32.000.000	500.000	
44			6	90,0	7.000.000	630.000.000	126.000.000	32.000.000	500.000	
45			7	90,0	7.000.000	630.000.000	126.000.000	32.000.000	500.000	
46			8	89,8	7.000.000	629.000.000	125.000.000	32.000.000	500.000	
47			9	111,1	7.000.000	778.000.000	155.000.000	39.000.000	500.000	
48			10	127,2	7.000.000	891.000.000	178.000.000	45.000.000	500.000	
49			11	108,0	7.000.000	756.000.000	151.000.000	38.000.000	500.000	
50			12	108,0	7.000.000	756.000.000	151.000.000	38.000.000	500.000	
51			13	108,0	7.000.000	756.000.000	151.000.000	38.000.000	500.000	
52			14	108,0	7.000.000	756.000.000	151.000.000	38.000.000	500.000	
53			15	108,0	7.000.000	756.000.000	151.000.000	38.000.000	500.000	
54			16	172,8	7.000.000	1.210.000.000	242.000.000	61.000.000	500.000	
55			17	200,3	8.400.000	1.683.000.000	336.000.000	85.000.000	500.000	Lô góc
56		Hướng Tây-Nam, tiếp giáp đường ĐS1 quy hoạch lộ giới 14,0m	18	196,1	8.400.000	1.648.000.000	329.000.000	83.000.000	500.000	Lô góc
57			19	93,9	7.000.000	658.000.000	131.000.000	33.000.000	500.000	
58			20	82,5	7.000.000	578.000.000	115.000.000	29.000.000	500.000	
59			21	98,9	7.000.000	693.000.000	138.000.000	35.000.000	500.000	
60			22	115,3	7.000.000	808.000.000	161.000.000	41.000.000	500.000	
61			23	131,7	7.000.000	922.000.000	184.000.000	47.000.000	500.000	
62			24	148,1	7.000.000	1.037.000.000	207.000.000	52.000.000	500.000	
63			25	239,1	7.000.000	1.674.000.000	334.000.000	84.000.000	500.000	
Tổng						50.492.000.000	10.066.000.000	2.559.000.000		

25